

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671004 - Hóa học đại cương  
Lớp :

STC : 3(45,0,0,0,0)  
Năm học : 2012-2013  
Lần thi : 2  
Học kỳ : 1

| STT | Họ và tên         |        | MSSV       | Ngày sinh  | Điểm thi    |             | Điểm TKHP | Ghi chú |
|-----|-------------------|--------|------------|------------|-------------|-------------|-----------|---------|
|     |                   |        |            |            | Giữa học kỳ | Cuối học kỳ |           |         |
| 1   | Nguyễn Ngọc       | Hoà    | 3671030525 | 28/01/1992 | 2,00        | ,00         | ,60       |         |
| 2   | Nguyễn Tuấn       | Kiệt   | 3671030529 | 22/09/1994 | 3,50        | 5,00        | 4,60      |         |
| 3   | Lương Xuân        | Dũng   | 3671030530 | 03/08/1993 | 4,50        | 5,00        | 4,90      |         |
| 4   | Nguyễn Hữu        | Dụng   | 3671030533 | 25/11/1993 | 2,50        | ,00         | ,80       |         |
| 5   | Nguyễn Hoàng      | Tân    | 3671030537 | 09/03/1994 | 2,00        | 1,80        | 1,90      |         |
| 6   | Nguyễn Minh       | Thành  | 3671030538 | 19/10/1993 | 6,50        | 5,50        | 5,80      |         |
| 7   | Đặng              | Thái   | 3671030540 | 15/08/1993 | 5,70        | ,00         | 1,70      |         |
| 8   | Lê Công           | Tài    | 3671030541 | 24/11/1993 | 3,50        | 5,00        | 4,60      |         |
| 9   | Lê Nhật           | Long   | 3671030543 | 18/10/1994 | 2,40        | 5,80        | 4,80      |         |
| 10  | Hồ Văn            | Đức    | 3671030544 | 05/01/1994 | 6,90        | 3,50        | 4,50      |         |
| 11  | Nguyễn Thành      | Mẫn    | 3671030546 | 26/11/1993 | 2,50        | 2,00        | 2,20      |         |
| 12  | Nguyễn Văn        | Tài    | 3671030551 | 18/09/1994 | 3,00        | 2,30        | 2,50      |         |
| 13  | Nguyễn Hữu        | Linh   | 3671030553 | 10/09/1994 | ,00         | ,00         | ,00       |         |
| 14  | Nguyễn Bá         | Nhuận  | 3671030563 | 23/03/1994 | 6,00        | 3,80        | 4,50      |         |
| 15  | Nguyễn            | Lâm    | 3671030576 | 02/05/1994 | 6,00        | 1,00        | 2,50      |         |
| 16  | Phạm Văn          | Bình   | 3671030591 | 23/02/1994 | 3,00        | 1,50        | 2,00      |         |
| 17  | Huỳnh Thanh       | Duy    | 3671030592 | 28/11/1993 | 6,00        | 4,50        | 5,00      |         |
| 18  | Trương Minh       | Cường  | 3671030593 | 24/01/1993 | 1,50        | 1,30        | 1,40      |         |
| 19  | Lý Văn            | Nguyên | 3671030600 | 20/10/1993 | 3,80        | 4,50        | 4,30      |         |
| 20  | Ngô Sỹ            | Hà     | 3671030605 | 27/12/1994 | 6,00        | 2,30        | 3,40      |         |
| 21  | Nguyễn Thế        | Vũ     | 3671030607 | 11/07/1994 | 5,30        | 1,80        | 2,80      |         |
| 22  | Nguyễn Đức        | Thiện  | 3671030618 | 29/01/1994 | 2,80        | 1,80        | 2,10      |         |
| 23  | Lê Công           | Nhiều  | 3671030624 | 20/07/1992 | 2,40        | 1,80        | 2,00      |         |
| 24  | Dương Ngọc        | Thạch  | 3671030636 | 14/01/1993 | 6,50        | 5,30        | 5,70      |         |
| 25  | Nguyễn Văn        | Tuấn   | 3671030638 | 13/12/1994 | ,00         | ,00         | ,00       |         |
| 26  | Bạch Như          | Khương | 3671030640 | 18/12/1992 | 4,80        | 7,00        | 6,30      |         |
| 27  | Nguyễn Xuân       | Thịnh  | 3671030648 | 20/06/1994 | 2,50        | 5,00        | 4,30      |         |
| 28  | Hồ Thanh          | Duy    | 3671030654 | 09/03/1994 | 2,80        | 2,80        | 2,80      |         |
| 29  | Võ Văn            | Quang  | 3671030662 | 01/01/1993 | 4,80        | 2,50        | 3,20      |         |
| 30  | Nguyễn Minh       | Dũng   | 3671030672 | 20/08/1990 | 4,50        | 4,00        | 4,20      |         |
| 31  | Nguyễn Văn        | Toàn   | 3671030677 | 06/02/1994 | 1,00        | 2,30        | 1,90      |         |
| 32  | Dương Thanh       | Xuân   | 3671030678 | 1979       | 2,50        | 4,30        | 3,80      |         |
| 33  | Nguyễn Hoàng Đình | Kha    | 3671030685 | 10/06/1994 | 3,00        | 1,80        | 2,20      |         |
| 34  | Nguyễn Văn        | Quyết  | 3671030688 | 03/12/1994 | 6,00        | 6,00        | 6,00      |         |
| 35  | La Thành          | Vũ     | 3671030703 | 14/04/1994 | 1,80        | ,00         | ,50       |         |

| STT | Họ và tên      |       | MSSV       | Ngày sinh  | Điểm thi    |             | Điểm TKHP | Ghi chú |
|-----|----------------|-------|------------|------------|-------------|-------------|-----------|---------|
|     |                |       |            |            | Giữa học kỳ | Cuối học kỳ |           |         |
| 36  | Bùi Lê         | Hùng  | 3671030706 | 30/03/1994 | 6,80        | 6,80        | 6,80      |         |
| 37  | Trần Phạm Minh | Pha   | 3671030713 | 08/12/1994 | 7,80        | 6,50        | 6,90      |         |
| 38  | Lê Quang       | Hoàng | 3671030717 | 25/10/1993 | 2,30        | ,00         | ,70       |         |
| 39  | Nguyễn Xuân    | Thành | 3671030722 | 03/07/1994 | 2,50        | ,00         | ,80       |         |
| 40  | Lê Văn         | Cao   | 3671032036 | 04/04/1993 | ,00         | ,00         | ,00       |         |
| 41  | Nguyễn Văn     | Hoàng | 3671032049 | 18/05/1994 | 6,00        | 2,00        | 3,20      |         |

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 05 năm 2013

Người lập bảng điểm  
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo  
(Họ tên và chữ ký)